TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BÌNH XUYÊN** **TỈNH VĨNH PHÚC**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 20/2019/HNGĐ – ST
Ngày 08 - 10 - 2019
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH XUYÊN, TỈNH VĨNH PHÚC

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Trần Thị Lan

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Quang Thái.

Bà Trương Thị Hương Nghĩa.

Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Tấn Tám– Thư ký Toà án nhân dân huyện Bình Xuyên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Xuyên tham gia phiên tòa: Bà Vũ Lan Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 10 năm 2019 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 118/2019/TLST-HNGĐ, ngày 29 tháng 5 năm 2019 về ly hôn, tranh chấp về nuôi con, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 43/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 8 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Kim Tiến D, sinh năm 1989; địa chỉ: Thôn C, xã H, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc, "có mặt".

- *Bị đơn*: Chị Nguyễn Thị S, sinh năm 1993; địa chỉ: Thôn L, xã P, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc, "vắng mặt".

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 20 tháng 5 năm 2019 và những lời khai tiếp theo trong quá trình làm việc cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn anh Kim Tiến D
trình bày:

Về hôn nhân: Anh và chị Nguyễn Thị S kết hôn ngày 23 tháng 01 năm 2013, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc trên cơ sở tự nguyện. Sau đó, chị S về làm dâu và chung sống cùng gia đình anh ở thôn C, xã H, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc. Quá trình chung sống, thời gian đầu vợ chồng anh chị vẫn hòa thuận. Đến năm 2018 thì anh, chị phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng cãi nhau thường xuyên. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống hàng ngày, sau khi mâu thuẫn xảy ra, chị S đã về nhà bố bố mẹ chị ở thôn L, xã P, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc từ tháng 9 năm 2019 và vợ vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay, không quan tâm, chăm sóc đến nhau. Nay anh xác định tình cảm với chị S không còn, hôn nhân không có hạnh phúc, anh tha thiết xin được ly hôn chị S.

Về nuôi con chung: Vợ chồng anh có hai con chung là Kim Tiến Đ, sinh ngày 19 tháng 8 năm 2015 và Kim Tiến T, sinh ngày 16 tháng 5 năm 2018; hiện nay cả hai cháu đang sống cùng anh. Ly hôn, anh đề nghị được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cả hai cháu; anh không yêu cầu chị S cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh.

Về tài sản: Anh không đề nghị Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn chị Nguyễn Thị S: Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã gửi, tống đạt Thông báo thụ lý vụ án, bản sao đơn khởi kiện và các tài liệu giấy tờ kèm theo đồng thời triệu tập chị S rất nhiều lần; thậm chí để vụ án được giải quyết một cách đầy đủ, toàn diện, khách quan và đảm bảo quyền lợi của các bên đương sự Tòa án đã gửi công văn nêu rõ nội dung vụ án để chị S đến Tòa trực tiếp trình bày ý kiến của mình về từng vấn đề, nội dung cụ thể theo đơn khởi kiện của nguyên đơn là anh D. Chị S đã được biết về việc anh D có đơn khởi kiện xin ly hôn và đề nghị giải quyết con chung là cháu Kim Tiến Đ và Kim Tiến T nhưng chị S không đến Tòa án làm việc và cũng không gửi văn bản thể hiện ý kiến của mình đến Tòa án.

Ngày 26 tháng 8 năm 2019, Tòa án tiến hành xác minh tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện B cho biết: Anh Kim Tiến D và chị Nguyễn Thị S có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc vào ngày 23 tháng 01 năm 2013. Sau khi kết hôn vợ chồng anh D, chị S chung sống cùng gia đình nhà anh D ở thôn C, xã H, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc. Quá trình chung sống thời gian đầu thấy anh chị hòa thuận, khoảng năm 2018 vợ chồng anh chị phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên to tiếng cãi nhau; đến khoảng cuối năm 2018 chị S không còn chung sống và ở nhà anh D nữa, địa phương nghe nói chị S về nhà bố mẹ đẻ chị ở thôn L, xã P, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc. Còn nguyên nhân vợ chồng

anh chị mâu thuẫn là do đâu địa phương cũng không nắm rõ.

Về nuôi con chung: Anh D và chị S có 02 con chung là cháu Kim Tiến Đ sinh ngày 19/8/2015; Kim Tiến T, sinh ngày 16/5/2018, cả hai cháu được đăng ký khai sinh tại Ủy ban nhân dân xã H, trong giấy khai sinh của 2 cháu được thể hiện người mẹ là chị Nguyễn Thị S và người cha là anh Kim Tiến D, hiện tại cả hai cháu đang ở cùng anh D.

Đối với công việc của anh D trước năm 2018, công tác tại Trường Cao đẳng cơ khí ở xã Tam Hợp nhưng nay anh D không còn làm ở Trường nữa mà hiện nay anh D đã nghỉ và làm tự do, mở cửa hàng bán điện thoại và các vật dụng khác. Thu nhập của người kinh doanh mặt hàng này ở địa phương được khoảng từ 8 triệu đến 10 triệu đồng/ tháng.

Ngày 27 tháng 8 năm 2019, Tòa án tiến hành xác minh tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện B cho biết: Chị Nguyễn Thị S là con gái ông Nguyễn Hoàng L và bà Trần Thị L. Năm 2013, chị S lấy chồng là anh D ở xã H, huyện B; chị S và anh D không đăng ký kết hôn tại xã P; kể từ khi chị S đi lấy chồng đã làm thủ tục cắt khẩu tại xã đến nhập khẩu tại xã H và thỉnh thoảng chị S cùng chồng, con về thăm gia đình; đến khoảng đầu năm 2019 thấy chị S có về nhà ông L, bà L một thời gian khoảng hơn hai tháng sau đó hiện nay chị S đi làm ăn thỉnh thoảng mới thấy về gia đình. Nguyên nhân lý do vì sao chị S về nhà ông L địa phương không rõ. Về con chung của chị S và anh D địa phương không nắm rõ vì anh chị không làm thủ tục khai sinh cho các cháu tại Ủy ban nhân dân xã P.

Qua lời khai của ông Nguyễn Hoàng L, là bố để chị S và qua việc giao, tống đạt các văn bản tố tụng của Tòa án cho chị S, được biết hiện tại chị S đang đi làm ăn thỉnh thoảng mới về nhà nên chị S không trực tiếp nhận văn bản và người nhà chị S cũng từ chối không nhận thay nên Tòa án đã làm thủ tục niêm yết tại Ủy ban nhân dân xã Phú Xuân theo quy định của pháp luật.

Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự của người tiến hành tố tụng và của người tham gia tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tiến hành thụ lý, thu thập chứng cứ và xét xử vụ án theo đúng thẩm quyền, đúng trình tự thủ tục tố tụng mà pháp luật quy định; người tham gia tố tụng anh D đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự, chị S được Tòa án triệu tập hợp lệ lần hai vẫn vắng mặt.

Về giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử cho anh Kim Tiến D được ly hôn chị Nguyễn Thị S; giao con chung là Kim Tiến Đ, sinh ngày 19 tháng 8

năm 2015 và Kim Tiến T, sinh ngày 16 tháng 5 năm 2018 cho anh D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Chị S không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh D vì anh D không yêu cầu; về chia tài sản các đương sự không yêu cầu nên không xem xét. Anh D phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Anh Kim Tiến D khởi kiện xin ly hôn chị Nguyễn Thị S và đề nghị được nuôi dưỡng con chung, do đó đây là vụ án ly hôn, tranh chấp về nuôi con. Bị đơn chị Nguyễn Thị S hiện đang cư trú tại: Thôn L, xã P, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc, theo quy định tại các Điều 28, 35, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bình Xuyên. Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng cố tình vắng mặt tại phiên tòa, vì vậy Toà án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Quá trình tiến hành tố tụng mặc dù bị đơn là chị S đã biết việc Tòa án thụ lý vụ án tranh chấp hôn nhân và gia đình do nguyên đơn là anh D khởi kiện nhưng không chấp hành giấy triệu tập của Tòa án, cố tình vắng mặt nên Tòa án không tiến hành lấy lời khai của bị đơn cũng như tiến hành tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải được. Việc chị S cố tình vắng mặt đồng nghĩa với việc đã từ bỏ quyền và nghĩa vụ của đương sự trong việc cung cấp tài liệu, chứng cứ, chứng minh để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình theo quy định tại Điều 70 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Căn cứ vào biên bản xác minh ngày 26 tháng 8 năm 2019 tại Ủy ban nhân dân xã Hương Sơn, huyện Bình Xuyên và lời khai của anh Kim Tiến anh D, vì vậy quan hệ hôn nhân giữa anh D và chị S là hợp pháp. Quá trình chung sống do bất đồng quan điểm nên vợ chồng phát sinh mâu thuẫn từ năm 2018. Trong những lần làm việc tại Toà án và tại phiên toà anh D đều khẳng định tình cảm vợ chồng với chị S không còn, việc đoàn tụ là không thể nếu Toà án không cho anh ly hôn với chị S anh cũng không thể về đoàn tụ với chị S được. Quá trình giải quyết vụ án, do không giao được văn bản tố tụng cho chị S nên Tòa án đã làm thủ tục niêm yết tại Ủy ban nhân dân xã Phú Xuân và qua làm việc với bố đẻ chị S thì được biết chị S đã biết anh D khởi kiện xin ly hôn nhưng chị S vẫn không đến Tòa án làm việc hay gửi văn bản nêu rõ ý kiến, quan điểm của mình, như vậy có thể hiểu rằng chị S đã đồng ý với toàn bộ nội dung mà nguyên đơn khởi kiện. Xét, cuộc sống chung giữa anh D và chị S

không thể tiếp tục vì anh, chị không còn yêu thương, chăm sóc nhau, không cùng nhau xây dựng hạnh phúc gia đình theo qui định tại Điều 18 Luật Hôn nhân và gia đình. Điều đó chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa anh D và chị S là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh D và ý kiến của Viện kiểm sát là phù hợp.

Về nuôi con chung: Anh D và chị S có 02 con chung là cháu Kim Tiến Đ sinh ngày 19/8/2015; Kim Tiến T, sinh ngày 16/5/2018. Kể từ khi vợ chồng ly thân đến nay, cháu Đ và cháu T vẫn sống cùng anh D. Quá trình tiến hành tố tụng và tại phiên tòa anh D tha thiết xin được nuôi con và chứng minh nuôi con tốt về mọi mặt; do vậy cần giao cháu Đ và cháu T cho anh D trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau ly hôn; chị S không phải cấp dưỡng nuôi con cùng anh D vì anh D không yêu cầu nhưng có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Trong thời gian anh D chăm sóc nuôi dưỡng cả hai cháu mà không đảm bảo được cuộc sống cho cháu thì chị S có quyền làm đơn đề nghị thay đổi về người trực tiếp nuôi con.

[3]Về tài sản: Anh D không đề nghị Tòa án giải quyết, chị S vắng mặt và cũng không đề nghị do đó Tòa án không xét. Sau khi ly hôn, nếu các đương sự có yêu cầu về tài sản thì Tòa án giải quyết bằng vụ án khác theo qui định của pháp luật.

[4]Về án phí sơ thẩm: Anh D phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

[5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 56, 58, 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số: 326/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội qui định về án phí, lệ phí Tòa án.

Về hôn nhân: Anh Kim tiến D được ly hôn chị Nguyễn Thị S.

Về nuôi con chung: Giao cháu Kim Tiến Đ sinh ngày 19/8/2015; Kim Tiến T, sinh ngày 16/5/2018 cho anh D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục; chị S không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh D nhưng có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở, gây khó khăn.

Về án phí: Anh D phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số AA/2017/0003433 ngày 28 tháng 5 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Xuyên; anh D đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

Đương sự có mặt có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt cũng có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày tống đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Bình Xuyên;
- Chi cục THADS huyện Bình Xuyên;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Trần Thị Lan